TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THUỶ** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HSST
Ngày 11 - 7 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUỶ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Mậu Hiệu và ông Lê Thuận Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Trần Quang Hoàn, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở; Toà án nhân dân huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2018/TLST-HS ngày 28/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HS ngày 27/6/2018 đối với bị cáo:

Trần Hoà L, sinh ngày 22 tháng 9 năm 1990 tại xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình;

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hoà T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971, có vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 và 01 con sinh năm 2015.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 24/6/2011, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Người bị hại:

Anh Lê Văn Q, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977, địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Anh Lê Bá V, sinh năm 1977, địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Phi H, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn 2 T, xã T, huyện, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Xuân Đ, tên gọi khác: S, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn 1 T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chiều ngày 25/01/2018, anh Nguyễn Phi H ở thôn 2 T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; anh Lê Văn Q ở thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình và anh Nguyễn Xuân Đức ở thôn 1 , xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình đang ngồi chơi tại nhà anh Đức thì anh Hùng nhận được điện thoại của Trần Hoà L nhờ đến đón L tại đám cưới ở thôn 1 , xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Anh H sử dụng xe mô tô đi chở L về nhà anh Đ, trên đường chở L về nhà anh Đ, L hỏi mượn xe mô tô của anh H nhưng anh H không đồng ý vì sợ bố, mẹ la mắng. Khi về đến nhà anh Đ, anh H nói với anh Q cho L mượn xe đi công việc, đồng thời L nói với anh Q: "Cho anh mượn xe đi có việc tí, có số điện thoại của anh ở H, có chi thì gọi" và anh Q đã tin tưởng giao xe mô tô biển kiểm soát 73B1-003.88 cho L mượn. Do đã có ý định chiếm đoạt xe mô tô anh Q đang sử dụng để cầm cố lấy tiền tiêu xài nên sau khi nhận xe mô tô từ anh Q, L chạy xe đến quán bi-a của anh Lê Bá V ở thôn T , xã H, huyện L, Quảng Bình để nhờ cầm cố. Anh V hỏi giấy tờ xe thì L bảo để ở nhà. Anh V gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn T ở thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình nói có người nhờ cầm cố xe mô tô. Anh T đến gặp anh V thì được biết xe không có giấy tờ nên nói nếu anh V bảo lãnh thì anh T cho mượn 10.000.000 đồng với điều kiện để xe mô tô lại làm tin, anh V đồng ý. Anh T đưa cho anh V 10.000.000 đồng rồi đưa xe mô tô biển kiểm soát 73B1-003.88 về nhà, anh V đưa cho L 10.000.000 đồng. Sau khi giao xe mô tô biển kiểm soát 73B1-003.88 cho L được khoảng 20 phút thì anh Q gọi điện thoại yêu cầu L trả xe, L trả lời chờ anh tí. Sau đó anh Q tiếp tục gọi cho L thì không liên lạc được. Đến khoảng 18 giờ ngày 25/01/2018, L gặp anh Q và nói L đã cắm xe mô tô biển kiểm soát 73B1-003.88 lấy tiền tiêu xài và hẹn hôm sau trả xe nhưng anh Q không đồng ý. Đến ngày 26/01/2018, anh Q gọi điện thoại nhiều lần đến số điện thoại của L yêu cầu trả xe nhưng điện thoại của L không liên lạc được nên anh Q viết đơn trình báo với Công an huyện Lệ Thuỷ.

Về vật chứng: Ngày 30/01/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thuỷ tạm giữ mô tô biển kiểm soát 73B1-003.88 tại anh Nguyễn Văn T; ngày 08/02/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thuỷ trả lại xe mô tô biển kiểm soát 73B1-003.88 cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị H.

Ngày 06/02/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lệ Thủy tiến hành định giá và kết luận xe mô tô biển kiểm soát 73B1-003.88 giá trị 15.000.000 đồng.

Về dân sự: Bị cáo đã trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 10.000.000 đồng, anh T đã nhận đủ tiền và cam kết chấm dứt phần dân sự.

Bản Cáo trạng số: 16/CT-VKSNDLT ngày 28/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thuỷ truy tố bị cáo Trần Hoà L tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 174 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Hoà L từ 6 tháng đến 9 tháng tù.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã sai, bị cáo có tội, bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại, bị cáo xin hưởng mức án thấp nhất để sớm hoà nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hoà L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tang vật vụ án đã thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Bị cáo Trần Hoà L bằng thủ đoạn gian dối nói với anh Q mượn xe mô tô đi có việc, anh Q tin là thật giao xe cho L nhưng L đã mang xe mô tô biển kiểm soát 73B1-003.88 trị giá 15.000.000 đồng đặt làm tin vay mượn 10.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thuỷ và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại cũng có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo có 01 tiền án, ngày 24/6/2011, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản; bị

cáo đã chấp hành xong án phạt tù nhưng chưa thi hành khoản bồi thường dân sự số tiền 540.000 đồng.

[5] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để người khác tin tưởng giao tài sản cho bị cáo sau đó bị cáo dùng tài sản này làm tin cho người khác để vay mượn tiền tiêu xài cá nhân, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có 01 tiền án về tội cưỡng đoạt tài sản lại tiếp tục phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thuộc trường hợp tái phạm, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, vì vậy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất trong khung hình phạt của điều luật thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự và tạo điều kiện cho bị cáo sớm hoà nhập cộng đồng.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 174 Bộ luật Hình sự: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy bị cáo nghề nghiệp làm ruộng, thu nhập thấp và không ổn định, không có tài sản riêng để đảm bảo thi hành án nên Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và đương sự đã thoả thuận, cam kết chấm dứt phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thuỷ tạm giữ và trả lại tài sản bị cáo chiếm đoạt cho chủ sở hữu phù hợp với Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Hoà L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 174 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Hoà L phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Hoà L 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để chấp hành hình phạt.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Hoà L.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án, xử buộc bị cáo Trần Hoà L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (11/7/2018); đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- VKSND huyện Lệ Thuỷ;
- Công an huyện Lệ Thuỷ (02 bản)
- Chi cục THADS huyện Lệ Thuỷ;
- UBND xã H;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Mậu Hiệu **Lê Thuận Sơn** **Nguyễn Ngọc Sơn**

TÒA ÁN[1].....

Số:...../..... [2]/HSST-QĐBTG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH BẮT, TẠM GIAM

TÒA ÁN[3].....

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)[4].....

Thẩm phán: Ông (Bà)[5].....

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân): Ông (Bà)[6].....

Căn cứ các điều 109, 113, 119 và 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Biên bản nghị án ngày.....tháng.....năm.....của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy cần thiết bắt, tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Bắt, tạm giam bị cáo:[7].....

Bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt[8]..... về tội (các tội)[9].....

Theo điểm (các điểm).....khoản (các khoản).....Điều (các điều)..... của Bộ luật Hình sự.

Thời hạn tạm giam là [10]…… kể từ ngày tuyên án.

Điều 2

Công an[11].....có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
-[(12)].....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 08-HS:

(1) và (3) ghi tên Tòa án nhân dân giải quyết vụ án; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi tên Tòa án nhân dân huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì ghi: Tòa án nhân dân cấp cao tại (Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh...); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (Tòa án quân sự Khu vực 1, Quân khu 4).

(2) ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định (ví dụ: Số: 01/2017/HSST-QĐBTG).

(4), (5) và (6) ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm. Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người thì bỏ dòng "Thẩm phán..."; nếu là Tòa án quân sự thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(7) ghi đầy đủ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, nơi cư trú, nghề nghiệp.

(8) nếu là tù có thời hạn ghi cả số và cả bằng chữ mức phạt tù; nếu là tù chung thân ghi tù chung thân; nếu là tử hình ghi tử hình bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt.

(9) ghi các tội bị truy tố theo hồ sơ vụ án.

(10) ghi cả số và chữ nếu thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại từ 45 ngày trở lên thì ghi thời hạn tạm giam là 45 ngày (bốn mươi lăm ngày); nếu thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại dưới 45 ngày thì ghi thời hạn tạm giam bằng thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại và trong trường hợp này cần ghi thêm hết thời hạn tạm giam này, Cơ sở giam giữ có trách nhiệm trả tự do ngay cho bị cáo nếu họ không bị giam, giữ về hành vi vi phạm pháp luật khác.

(11) nếu là Tòa án quân sự thì ghi "Đơn vị Cảnh vệ".

(12) Viện kiểm sát cùng cấp, Cơ quan công an (Đơn vị Cảnh vệ), bị cáo

Về vật chứng: Ngày 06/02/2018 và ngày 07/3/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thuỷ tạm giữ: 02 cá thể chồn hương còn sống, 01 điện thoại di động, 01 sạc điện thoại di động, 01 máy tính xách tay. Tất cả có đặc điểm như biên bản tạm giữ, đồ vật tài liệu ngày 06/02/2018 và ngày 07/3/2018. Ngày 08/02/2018 và ngày 12/3/2018, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thuỷ đã trả các tài sản trên cho các bị hại.

Đối với điện thoại di động hiệu Sam sung J7 Prime màu trắng mơ của anh Lê Văn Đạt, Nguyễn Xuân Cao bán cho anh Đậu Đức Tùng, anh Tùng đã bán lại cho một người không rõ danh tính và địa chỉ nên không thu giữ được.

Ngày 07/02/2018 và ngày 09/3/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lệ Thủy tiến hành định giá và kết luận: 02 cá thể chồn hương còn sống có giá trị 3.380.000 đồng; Điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy J7 màu đen có giá trị 4.300.000 đồng; Sạc điện thoại di động có giá trị 80.000 đồng; Máy tính xách tay hiệu Emachines D730Z có giá trị 3.500.000 đồng; Điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy J7 màu trắng mơ có giá trị 4.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 12/CT-VKSNDLT ngày 27/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thuỷ truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân Cao, Nguyễn Anh Tuấn "Tội trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Cao từ tháng đến tháng tù; xử phạt Nguyễn Anh Tuấn từ tháng đến tháng tù.

Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân Cao bồi thường cho anh Trần Công Trung số tiền 1.000.000 đồng.

Người bị hại anh Nguyễn Đức Triển, anh Lê Văn Đạt, ông Dương Công Vượng đã nhận lại tài sản bị mất và không ai có yêu cầu bồi thường thiệt hại; anh Lại Thanh Trường mặc dù chưa được nhận lại tài sản bị mất, chưa được bồi thường thiệt hại nhưng cũng không yêu cầu bồi thường. Anh Trần Công Trung yêu cầu bị cáo Nguyễn Xuân Cao trả lại số tiền 1.000.000 đồng.

Về hình phạt: Đề nghị xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo Cao:

Bị cáo Tuấn:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Xuân Cao, Nguyễn Anh Tuấn đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tang vật vụ án đã thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Bị cáo Nguyễn Xuân Cao đã có hành vi lén lút cùng với bị cáo Nguyễn Anh Tuấn hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trị giá 3.380.000 đồng của anh Nguyễn Đức Triển, ngoài ra còn thực hiện trộm cắp điện thoại di động trị giá 4.000.000 đồng của anh Lại Thanh Trường và máy tính xách tay trị giá 3.500.000 đồng của ông Dương Công Vượng. Bị cáo Nguyễn Anh Tuấn đã cùng với Cao lén lút, lợi dụng sơ hở của người khác hai lần trộm cắp tài sản trị giá 3.380.000 đồng của anh Nguyễn Đức Triển, ngoài ra còn thực hiện trộm cắp điện thoại di động và xạc điện thoại di động trị giá 4.380.000 đồng của anh Lê Văn Đạt. Lời nhận tội của các bị cáo, lời khai của bị hại, người liên quan và không gian, thời gian, địa điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đều phù hợp nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2, Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thuỷ và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Trong vụ án trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Đức Triển các bị cáo phạm tội có đồng phạm về tội trộm cắp tài sản nhưng không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

[5] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng đến dư luận, gây hoang mang, bất bình trong nhân dân và xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, tương xứng với mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra mới có đủ tác dụng cải tạo, răn đe đối với các bị cáo và giáo dục, phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Xuân Cao, Nguyễn Anh Tuấn phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải. Đối với Nguyễn Xuân Cao, mẹ của bị cáo là người được hưởng chính sách như thương binh là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với Nguyễn Anh Tuấn, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt trong khung hình phạt đối với các bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Nguyễn Xuân Cao, Nguyễn Anh Tuấn không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng để đảm bảo thi hành án nên Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân Cao bồi thường cho anh Trần Công Trung số tiền 1.000.000 đồng.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân Cao phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí sơ thẩm dân sự; bị cáo Nguyễn Anh Tuấn phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Bị cáo, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 173 Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân Cao, Nguyễn Anh Tuấn phạm “Tội trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Cao ( ) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (07/02/2018).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Tuấn, tên gọi khác: Bờm Tơ ( ) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (07/02/2018).

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Xuân Cao và bị cáo Nguyễn Anh Tuấn (Bờm Tơ) với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/6/2018) để đảm bảo thi hành án theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

Miễn hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Xuân Cao và bị cáo Nguyễn Anh Tuấn, tên gọi khác: Bờm Tơ.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo Nguyễn Xuân Cao bồi thường cho anh Trần Công Trung số tiền 1.000.000 đồng.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án, xử buộc bị cáo Nguyễn Xuân Cao phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự; bị cáo Nguyễn Anh Tuấn, tên gọi khác: Bờm Tơ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Tuyên bố kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên có nghĩa vụ chậm trả tiền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (22/6/2018); đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi cư trú để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Võ Xuân Toàn **Ngô Mậu Hiệu** **Nguyễn Ngọc Sơn**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QB;
TÒA
- VKSND tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- VKSND huyện Lệ Thuỷ;
- Công an huyện Lệ Thuỷ (02 bản)
- Chi cục THADS huyện Lệ Thuỷ;
- Các bị cáo;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Ngọc Sơn

tích cực hợp tác với cơ quan Điều tra trong quá trình khám xét nơi ở

và khai ra người bán ma tuý cho bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo hết sức khó khăn, mẹ bị bệnh tât, bị cáo là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xã Xuân Ninh xác nhận và đề nghị các cơ quan có liên liên quan xem xét giúp đỡ.

Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trên nên được xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 khi lượng hình để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố.

"Nhỏ" tên thật Đỗ Trường Nguyên, sinh năm 1994 trú tại tổ dân phố Đồng Hải, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới là người mà bị cáo Hưng mua ma tuý để bán cho đối tượng có tên "Bờm" ở huyện Bố Trạch, cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh đối tượng không có mặt tại địa phương, nên không làm rõ được hành vi để có căn cứ xử lý. Còn với đối tượng tên "Bờm" ở xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch là người đã đặt mua ma túy từ Hưng,